

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2025

*“V/v Tranh chấp về xác định phần
quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài
sản, phân chia tài sản chung để thi hành
án theo quy định của Luật thi hành án dân sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hoàng Sơn, ông Y Manh Adrong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc *“Tranh chấp về xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST – DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D (Có mặt).

Địa chỉ: Số 159, đường Lê Thánh T, thành phố B, Đắk Lắk.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị X (Vắng mặt).

2. Ông Trần Xuân S (Vắng mặt).

3. Ông Trần Xuân H (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục thi hành án dân sự huyện EaH, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 511, đường G, thị trấn E, huyện EaH, Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoài V (Vắng mặt).

2. Ông Trần Xuân H (Hiện đã chết).

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Xuân H sau khi chết để lại: Bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S, ông Trần Xuân H (Đều vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn Ea, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn (Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày tóm tắt nội dung:

Ông Trần Xuân H là người có nghĩa vụ thi hành án cho bà Nguyễn Thị M. Quá trình tổ chức thi hành án, xác định tài sản của người phải thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m² mang tên hộ ông Trần Xuân H (Gồm có: Ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S và ông Trần Xuân H), nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk đã thông báo cho bà X, ông S và ông H thực hiện quyền khởi kiện nhằm xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Trần Xuân H để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Nhưng bà X, ông S và ông H không khởi kiện. Sau đó, Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H thông báo cho bà M để thực hiện quyền khởi kiện. Đến nay, ông Trần Xuân H đã chết và để đảm bảo quyền lợi cho các đồng sở hữu, đảm bảo quyền lợi cho bà M, do đó bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 937278 ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho hộ ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X trình bày tóm tắt nội dung:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m², tại số nhà 68/1, đường Lý Tự T, tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là của bà và của ông Trần Xuân H nhận chuyển nhượng, ngoài ra không có ai tham gia nhận chuyển nhượng (Kể cả các con của bà và của ông H). Chỉ có bà và ông H là người đóng góp tạo dựng, cũng không có ai tham gia đóng góp. Đến nay, ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông H mang đi đâu làm gì, thì bà không biết.

Tài sản trên đất gồm có: Nhà cấp 4 và công trình phụ, diện tích bao nhiêu, làm năm nào bà không nhớ; Mái vòm, làm khung sắt, lợp tôn và cánh cổng, tường rào, làm năm nào thì bà cũng không nhớ.

Nội dung khởi kiện của bà M, thì bà ý kiến như sau: Ông H vay ai, vay như thế nào, thì ông tự đi mà trả, bà không liên quan.

Về quyền sở hữu đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m², tại số nhà 68/1, đường Lý Tự T, tổ dân phố 13, thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk bà xác định là của chung vợ chồng bà. Nhưng bà không xác định được phần sở hữu của từng người.

Tại Công văn số 497/CNEH ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea H có nội dung tóm tắt:

Thửa đất số 119, bản đồ 17, diện tích 200m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Ea H cấp giấy chứng nhận số phát hành BĐ 937278 ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho hộ ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X (Trong hồ sơ địa chính không thể hiện đăng ký biến động).

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 967278 ngày 08 tháng 12 năm 2011 của UBND huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk ghi nhận nội dung tóm tắt:

Tên người sử dụng: Hộ ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X. Thửa đất số 119, bản đồ số 17, diện tích 195m², tổ dân phố 13, thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Biên bản xác minh, Công an thị trấn E, huyện Ea H' cung cấp thông tin sau:

Hộ ông Trần Xuân H có 4 thành viên gồm có: Ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân S và ông Nguyễn Xuân H. Trước đây, có bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên hiện nay, bà T đã chết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bà M, bà X có đơn xin vắng mặt. Còn ông H, ông S mặc dù được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật dân sự. Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 54 và Điều 74 của Luật thi hành án dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Bà Nguyễn Thị M), xác định ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X mỗi người được sở hữu ½ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m² đã được UBND huyện Ea H cấp Giấy chứng nhận số phát hành BĐ 937278 ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho hộ ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Trần Xuân H để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là "*Tranh chấp về xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*", quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bà M khởi kiện và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Bà X, ông H, ông S có hộ khẩu thường trú tại huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea

H, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được, còn các bên đương sự có mặt, thì không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Bà M, bà X xin vắng mặt, còn ông H, ông S được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X là vợ chồng và có hai con chung là ông Trần Xuân S, sinh năm 1997 và ông Trần Xuân H, sinh năm 2000. Tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m², tại tổ dân phố 13, thị trấn Ea, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

Mặc dù trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên sở hữu là hộ ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X, nhưng xét thấy tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, thì ông Trần Xuân S mới có 14 tuổi, còn ông Trần Xuân H 11 tuổi.

Tại buổi làm việc, bà Nguyễn Thị X thừa nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m² là tài sản của chung vợ chồng (Của bà và của ông Trần Xuân H) nhận chuyển nhượng, các con của bà và của ông H không có đóng góp. Tuy nhiên bà không xác định được phần sở hữu riêng của từng người, đề nghị Tòa án xem xét.

Như vậy xác định tài sản trên thuộc sở hữu của ông Trần Xuân H, bà Nguyễn Thị X, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự và tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Trần Xuân H có nghĩa vụ thi hành bản án có hiệu lực cho bà Nguyễn Thị M. Đến nay, các bên phát sinh tranh chấp không xác định được phần sở hữu của ông Trần Xuân H, nên bà Nguyễn Thị M khởi kiện là có căn cứ. Do đó HĐXX chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xác định ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m².

[4]. Về chi phí tố tụng: Vì yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được Tòa án chấp nhận, cho nên bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S, ông Trần Xuân H phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 1.600.000đ tiền chi phí định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị M là người nộp tạm ứng số tiền trên, do đó trả lại cho bà Nguyễn Thị M 2.600.000đ sau khi thu được của bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S, ông Trần Xuân H.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S, ông Trần Xuân H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp dân sự không có giá ngạch với số tiền mỗi người phải nộp là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 165; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213; Điều 219 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 54 và Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Trần Xuân H để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.*

Xác định ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 195m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 937278 ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho hộ ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị X.

2. *Về chi phí tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S, ông Trần Xuân H phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 1.600.000đ tiền chi phí định giá tài sản.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 2.600.000đ sau khi thu được của bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S và ông Trần Xuân H.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị X, ông Trần Xuân S và ông Trần Xuân H mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền và thời hạn kháng cáo:*

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng